TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/ST–HNGĐ
Ngày 12 tháng 9 năm 2025
"V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Thanh Sâm và Bà La Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST–HNGĐ ngày 09/7/2025 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 04/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-HPT ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị L** – Sinh ngày: 26/3/1990.

Căn cước công dân số: 040190045532

Trú tại: Xóm 6, xã H, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn*: Anh **Võ Văn T** – Sinh ngày: 22/8/1982

Chứng minh nhân dân số: 182509484

Trú tại: Thôn 01, xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người làm chứng*: Bà Trần Thị M – Sinh năm: 1958 (Mẹ đẻ anh T)

Trú tại: Thôn 01, xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L vắng mặt, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị L trình bày:

Chị Lê Thị L và anh Võ Văn T đăng ký kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã A, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian rất ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do anh T không

tu chí làm ăn, sa vào các tệ nạn xã hội. Mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị Lê Thị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Không có con chung.

Về T sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Văn T vắng mặt, tuy nhiên thông qua người làm chứng là bà Trần Thị Mai, anh T có ý kiến như sau:

Anh Võ Văn T và chị Lê Thị L kết hôn với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã A, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian rất ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hiểu nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị Lê Thị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Võ Văn T cũng đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung: Không có con chung; Về T sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên tòa, người làm chứng bà Trần Thị M vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mai đã khai:

Bà Trần Thị M là mẹ anh Võ Văn T. Anh T và chị Lê Thị L kết hôn với nhau vào năm 2011. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T đã nhận được các văn bản tố tụng và T liệu chứng cứ do Tòa án giao và có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị L và đề nghị Tòa án giải quyết vắng amwtj anh T. Về con chung: Không có con chung; Về T sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Võ Văn T ; Về con chung: Không có con chung; Về T sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại xã A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Võ Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã A, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, thông qua người làm chứng là mẹ anh T – bà Trần Thị Mai, anh T có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị L và anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án có căn cứ để xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị L và anh T đã sống ly thân một thời gian rất dài, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị L và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh T là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị L.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Võ Văn T không có con chung.

[2.3] Về T sản chung và nợ: Chị Lê Thị L và anh Võ Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000801 ngày 09/7/2025 tại Cục quản lý Thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã A, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng